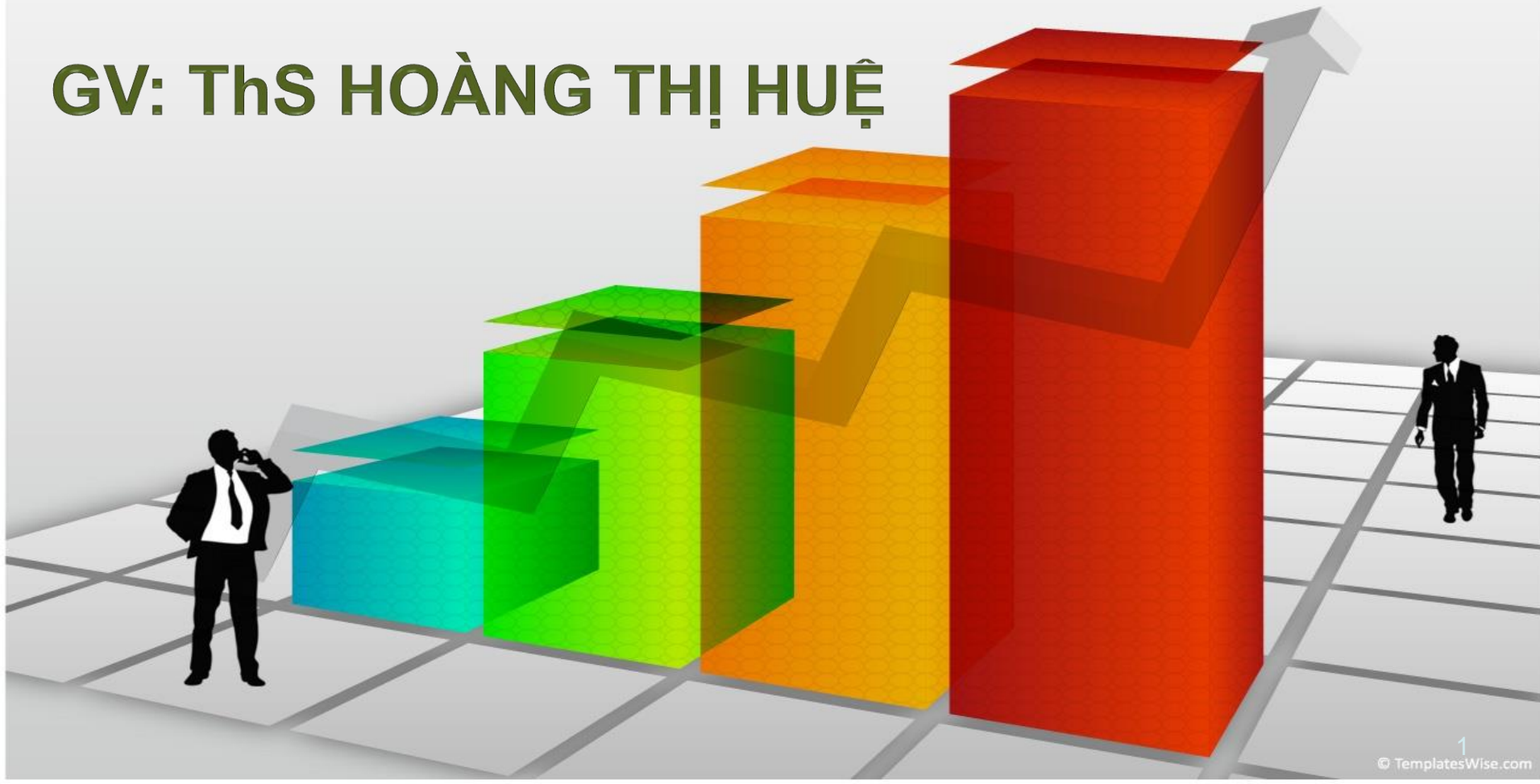
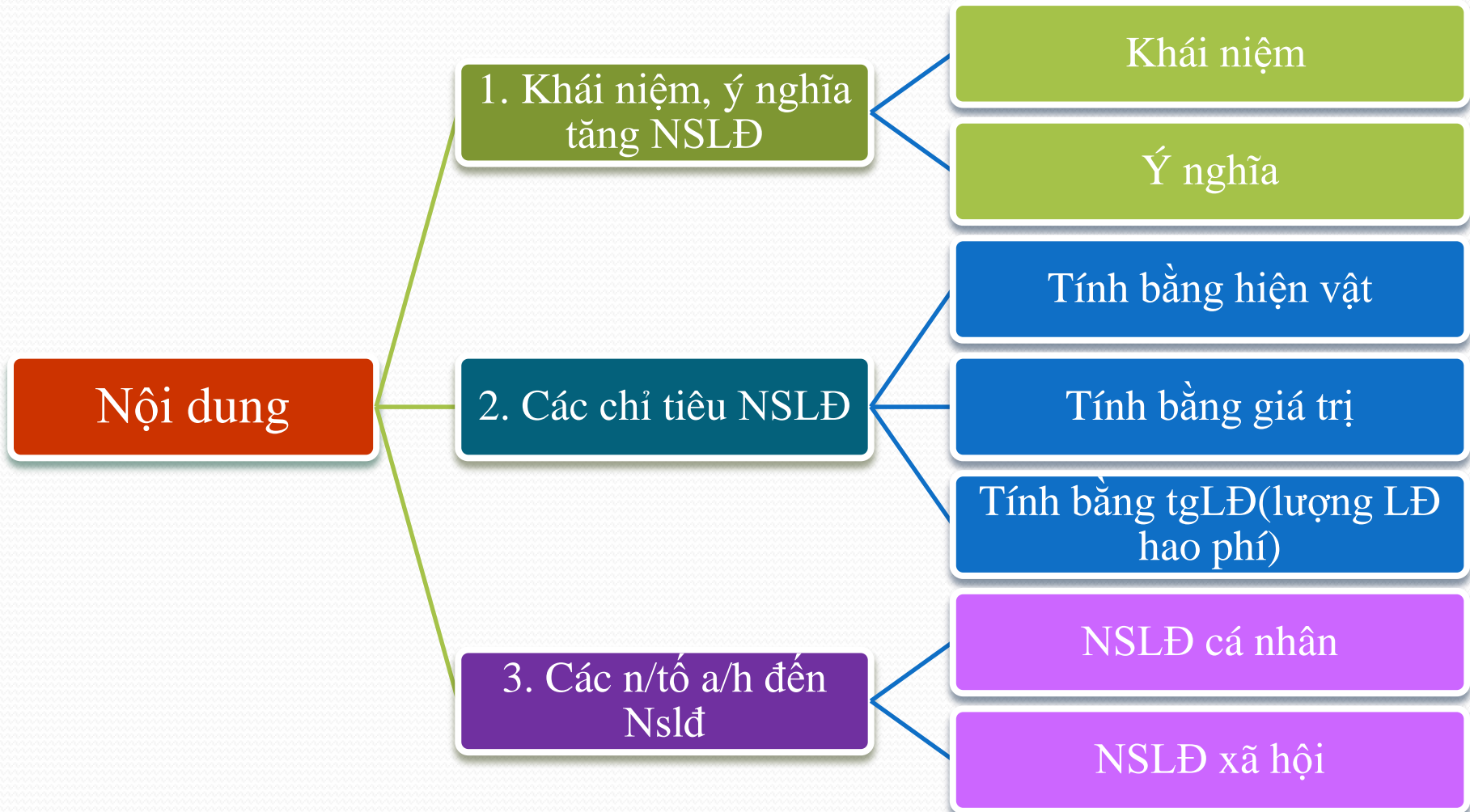


PHẦN 5: NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

GV: ThS HOÀNG THỊ HUỆ



NỘI DUNG



KN NĂNG SUẤT

- Kết quả so sánh giữa đầu ra (hiện vật hoặc giá trị) với đầu vào là nguồn lực vật chất, nguồn lực tài chính được gọi là năng suất (HIỆU QUẢ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN LỰC)
- Đối với doanh nghiệp đầu ra được tính bằng tổng giá trị sản xuất- kd, giá trị gia tăng, khối lượng hàng hóa. Ở cấp vĩ mô thường sử dụng tổng sản phẩm trong nước (GDP) là đầu ra để tính NS
- Đầu vào được tính theo các yếu tố tham gia sản xuất ra đầu ra như LĐ, nguyên vật liệu, vốn, thiết bị máy móc, năng lượng, kỹ năng quản lý

KN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

- Việc so sánh kết quả đầu ra so với nguồn lực đầu vào—nguồn nhân lực (lực lượng lao động) được gọi là NSLĐ
- Đầu ra được tính bằng GDP hoặc GVA (tổng giá trị gia tăng)
- Đầu vào thường được tính bằng giờ công LĐ, LLLĐ, số lượng lao động đang làm việc

KN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

NSLĐ là hiệu quả hoạt động có ích của con người trong một đơn vị thời gian

$$W = \frac{Q}{T} \text{ hoặc } t = \frac{T}{Q}$$

W: NSLĐ

Q: Tổng khối lượng sp sx ra

T: Tổng khối lượng thời gian lao động hao phí

t: Lượng thời gian hao phí để sx ra 1 đơn vị sp

NSLĐ THEO NGÀNH KINH TẾ

Năm	Nền kinh tế	Khu vực NLN, TS	Khu vực CN, XD	Khu vực DV
2000	12.61	4.36	38.43	23.95
2005	19.62	7.47	45.75	27.29
2006	22.15	8.16	47.84	33.19
2007	25.3	9.72	55.39	34.36
2008	31.96	13.57	65.84	42.78
2009	34.74	14.09	69.79	47.46
2010	40.39	17.06	76.58	52.28

Bảng năng suất lao động theo giá thực tế của Việt Nam giai đoạn 2005-2010
Đơn vị: triệu đồng / người

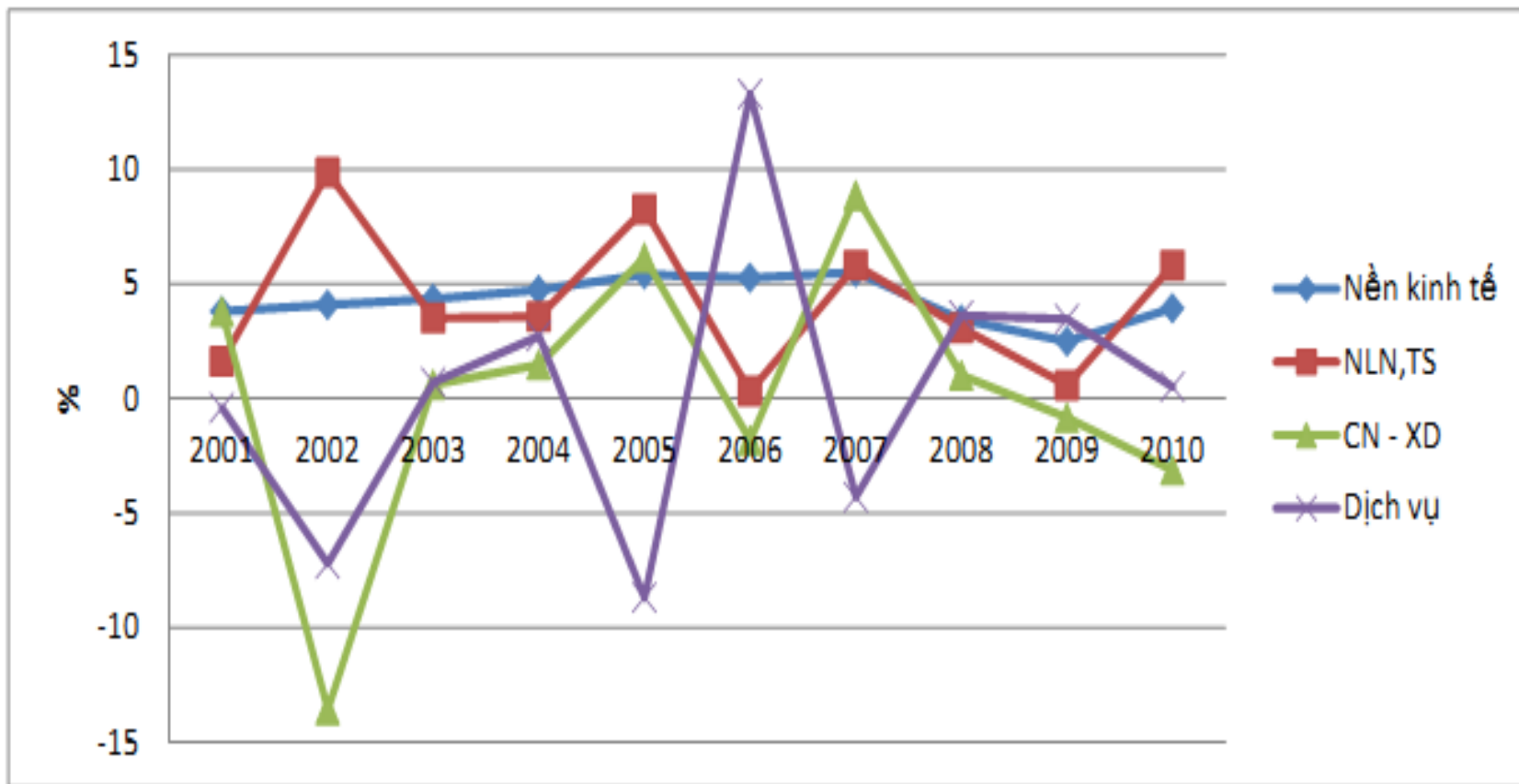
NSLĐ THEO NGÀNH KINH TẾ

Năm	Nền Kinh tế	Khu vực NLN,TS	Khu vực CN-DV	Khu vực DV
2005	5.41	8.27	6.15	-8.69
2006	5.26	0.31	-1.82	13.29
2007	5.51	5.81	8.86	-4.3
2008	3.44	3.08	1.02	3.62
2009	2.49	0.57	-0.83	3.46
2010	3.94	5.83	-3.13	0.51

Bảng tốc độ tăng NSLĐ của nền kinh tế và các khu vực kinh tế
Đơn vị: phần trăm

NSLĐ THEO NGÀNH KINH TẾ

Hình 1.15: Tốc độ tăng NSLĐ của nền kinh tế và các khu vực kinh tế



Hình vẽ tốc độ tăng NSLĐ của nền kinh tế và các khu vực kinh tế
Đơn vị: phần trăm

NSLĐ THEO CÁC THÀNH PHẦN KT

Năm	NSLĐ nền kinh tế	NSLĐ TPKT Nhà nước	NSLĐ TPKT tư nhân	NSLĐ TPKT FDI
2005	19.62	64.86	10.43	120.59
2006	22.15	74.08	11.78	118.38
2007	25.3	82.37	13.64	131.48
2008	31.96	104.30	17.22	161.53
2009	34.73	115.82	18.77	188.62
2010	40.39	133.18	22.2	218.05

**Bảng năng suất lao động theo giá thực tế của các thành phần kinh tế
(ĐVT: triệu đồng/người)**

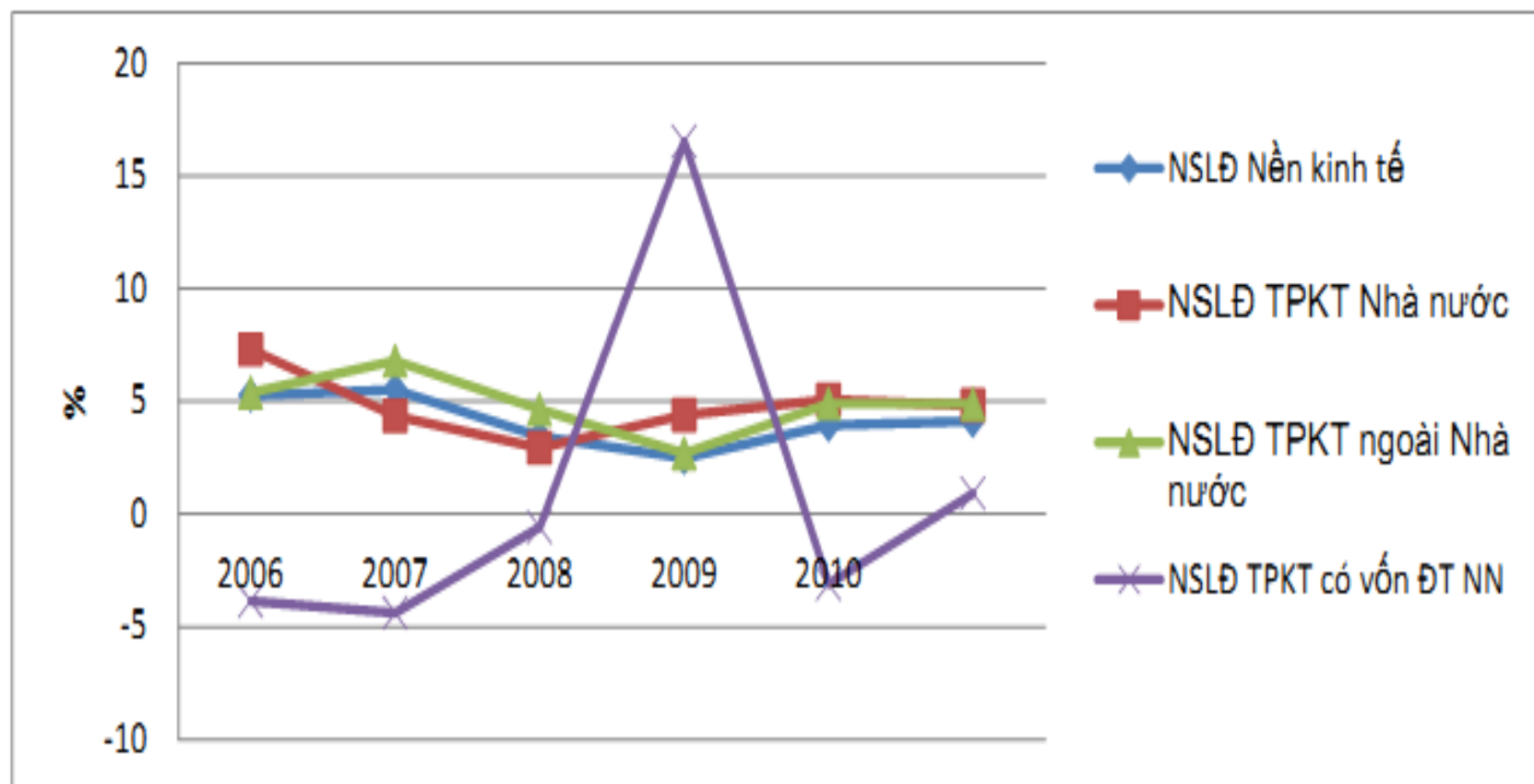
NSLĐ THEO CÁC THÀNH PHẦN KT

Năm	Nền kinh tế	TPKT Nhà nước	TPKT tư nhân	TPKT FDI
2006	5.26	7.31	5.39	-3.86
2007	5.51	4.36	6.79	-4.38
2008	3.44	2.93	4.65	-0.58
2009	2.49	4.38	2.7	16.52
2010	3.94	5.08	4.9	-3.1

Bảng tốc độ tăng NSLĐ của nền Kinh tế và các thành phần Kinh tế

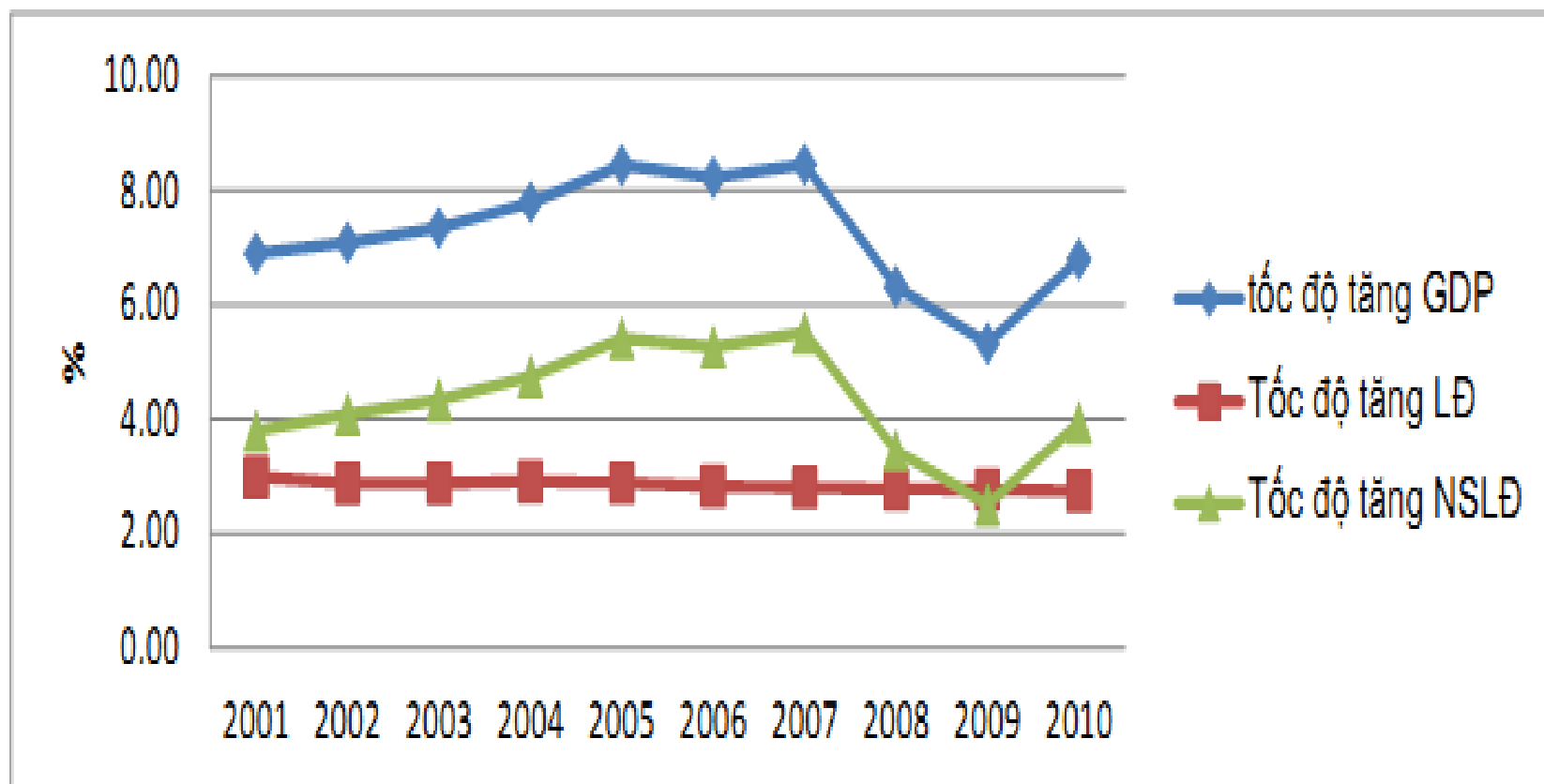
NSLĐ THEO CÁC THÀNH PHẦN KT

Hình 1.16: Tốc độ tăng NSLĐ nền kinh tế và các thành phần kinh tế



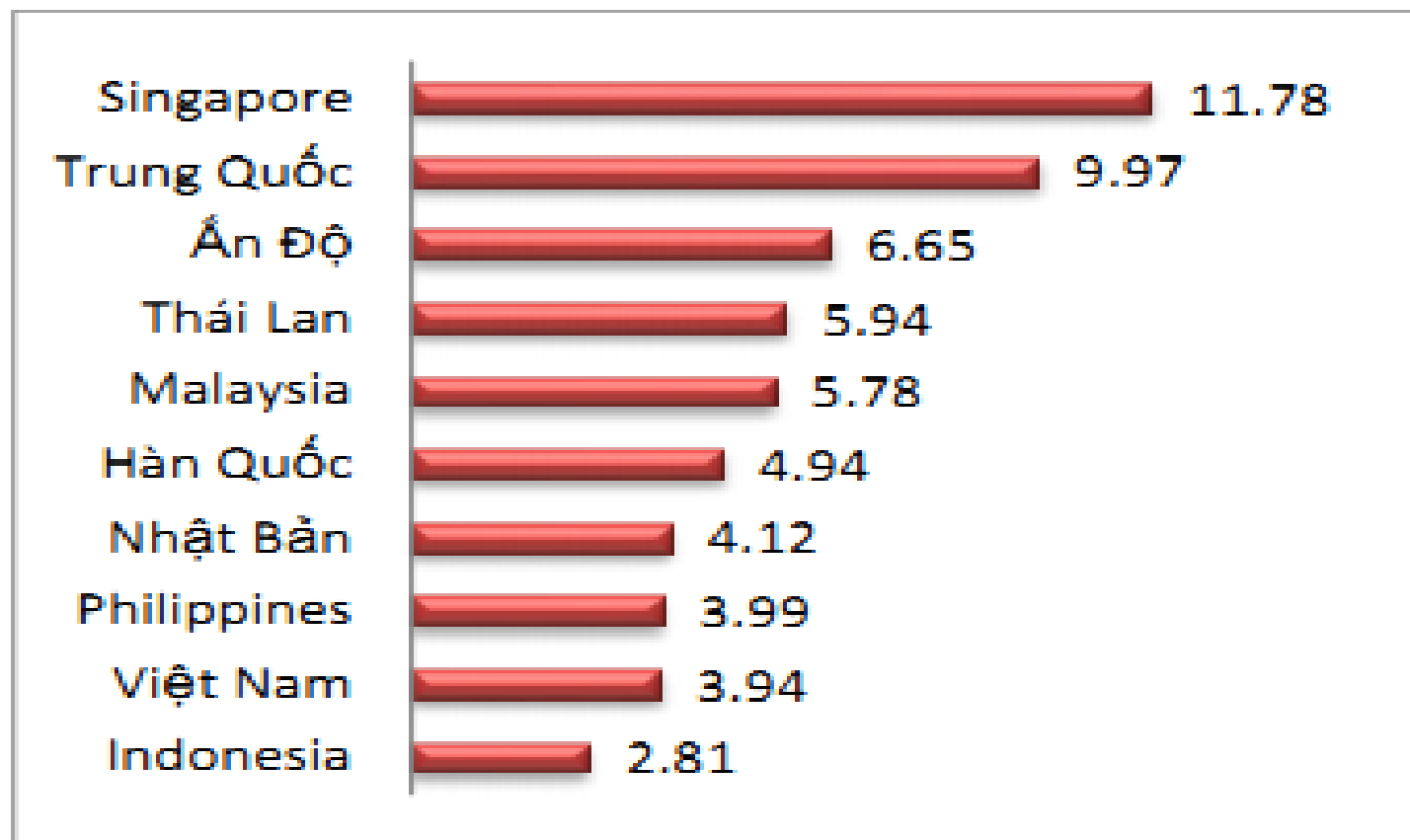
Năng suất lao động

Hình 1.17: Tốc độ tăng GDP, tốc độ tăng LĐ và tốc độ tăng NSLĐ



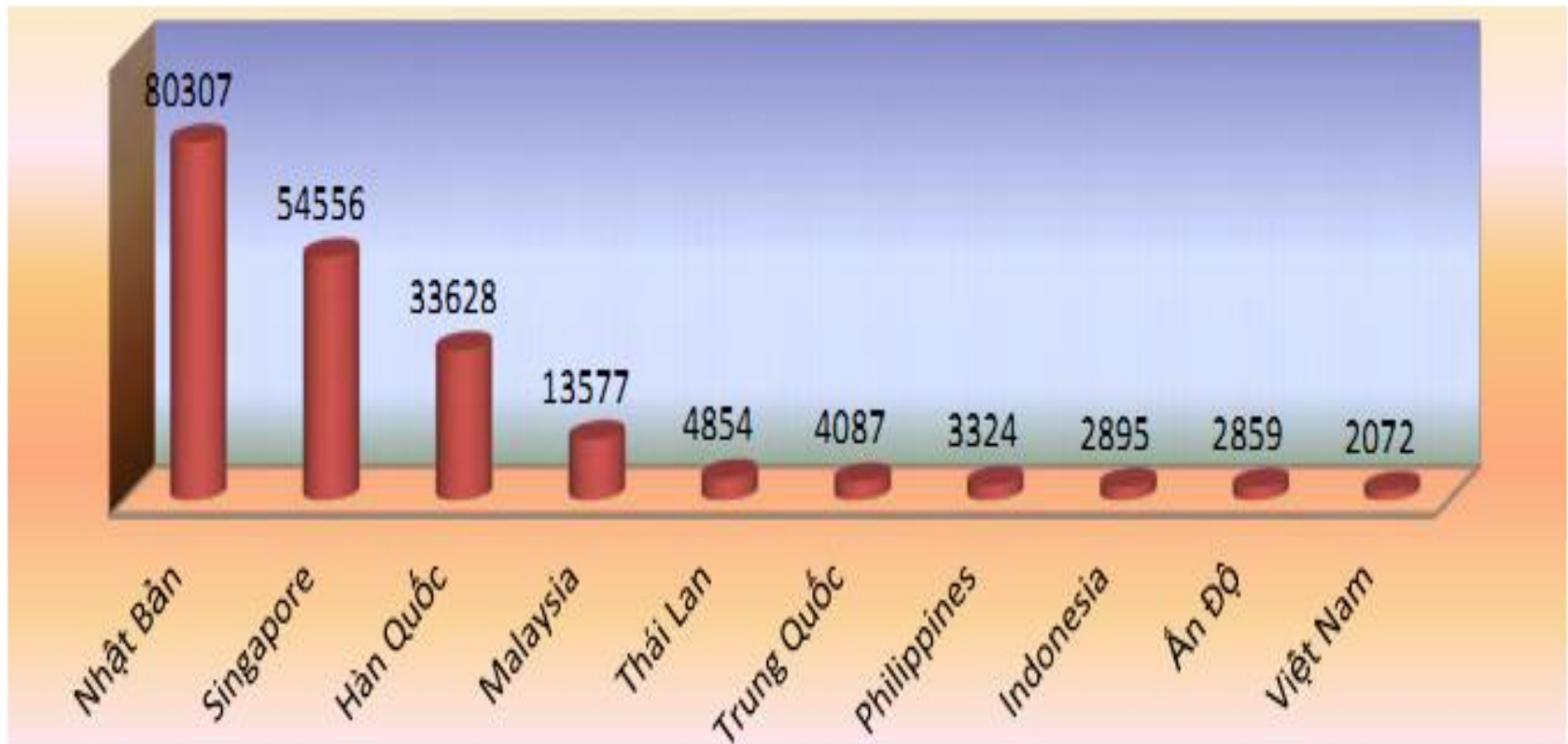
Năng suất lao động

Hình 1.18: Tốc độ tăng NSLĐ tại một số nước Châu Á năm 2010



Năng suất lao động

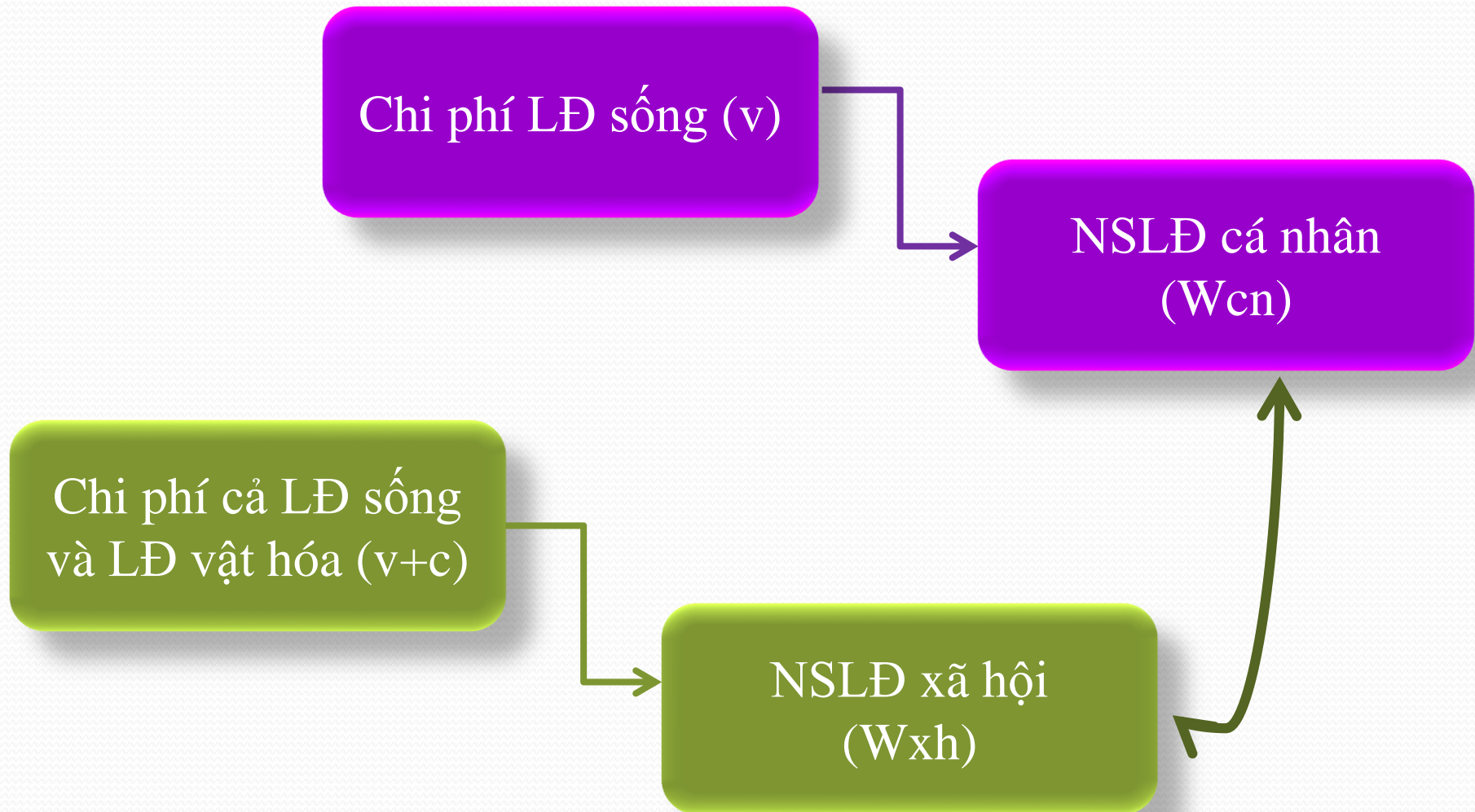
Hình 1.19: Năng suất lao động của một số nước Châu Á năm 2010



KN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

So sánh NSLĐ với mức lao động (mức sản lượng, mức thời gian)?

KN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG



KN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Mối quan hệ giữa W_{cn} và W_{xh} ?

Tăng năng suất lao động

- Tăng NSLĐ là sự tăng lên của sức sản xuất , nói chung chúng ta hiểu là sự thay đổi trong cách thức lao động, một sự thay đổi làm rút ngắn thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra một hàng hóa sao cho lượng lao động ít hơn mà lại sản xuất ra nhiều giá trị sử dụng hơn.
- Cường độ lao động là mức độ khẩn trương về lao động

Phân biệt NSLĐ và CĐLĐ



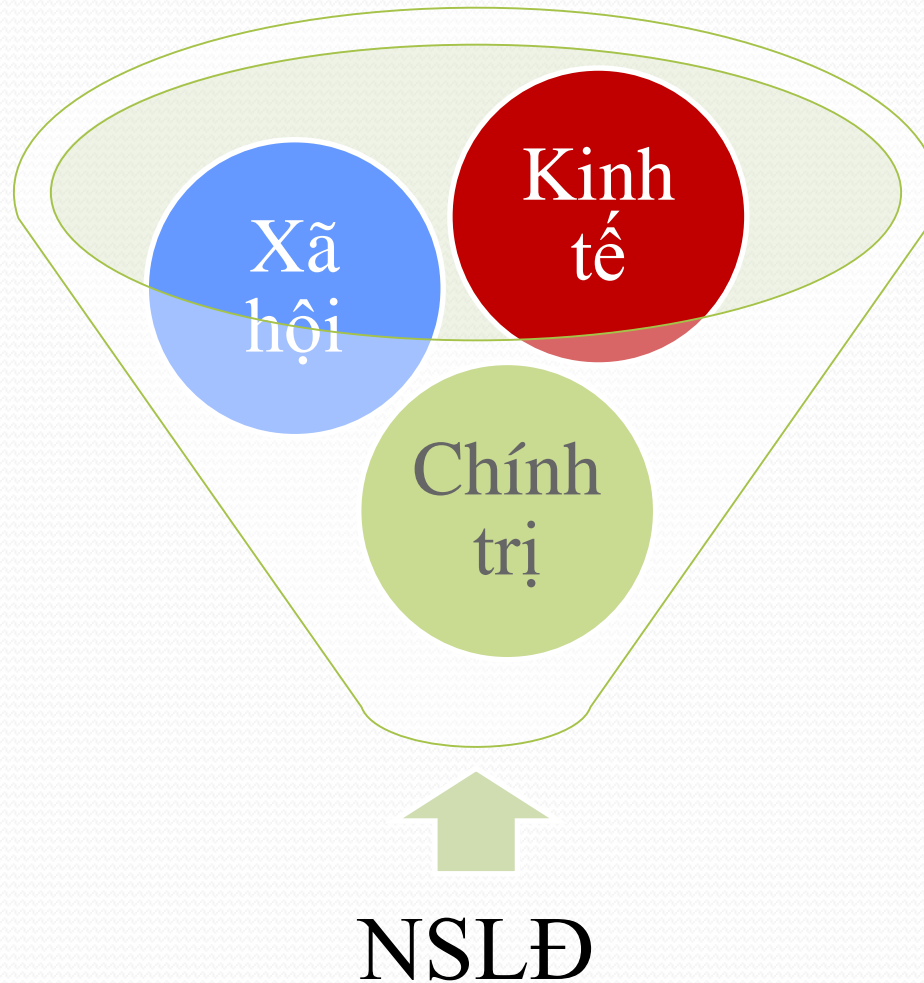
Phân biệt NSLĐ và CĐLĐ

Giống nhau: Cùng làm tăng sản phẩm xã hội

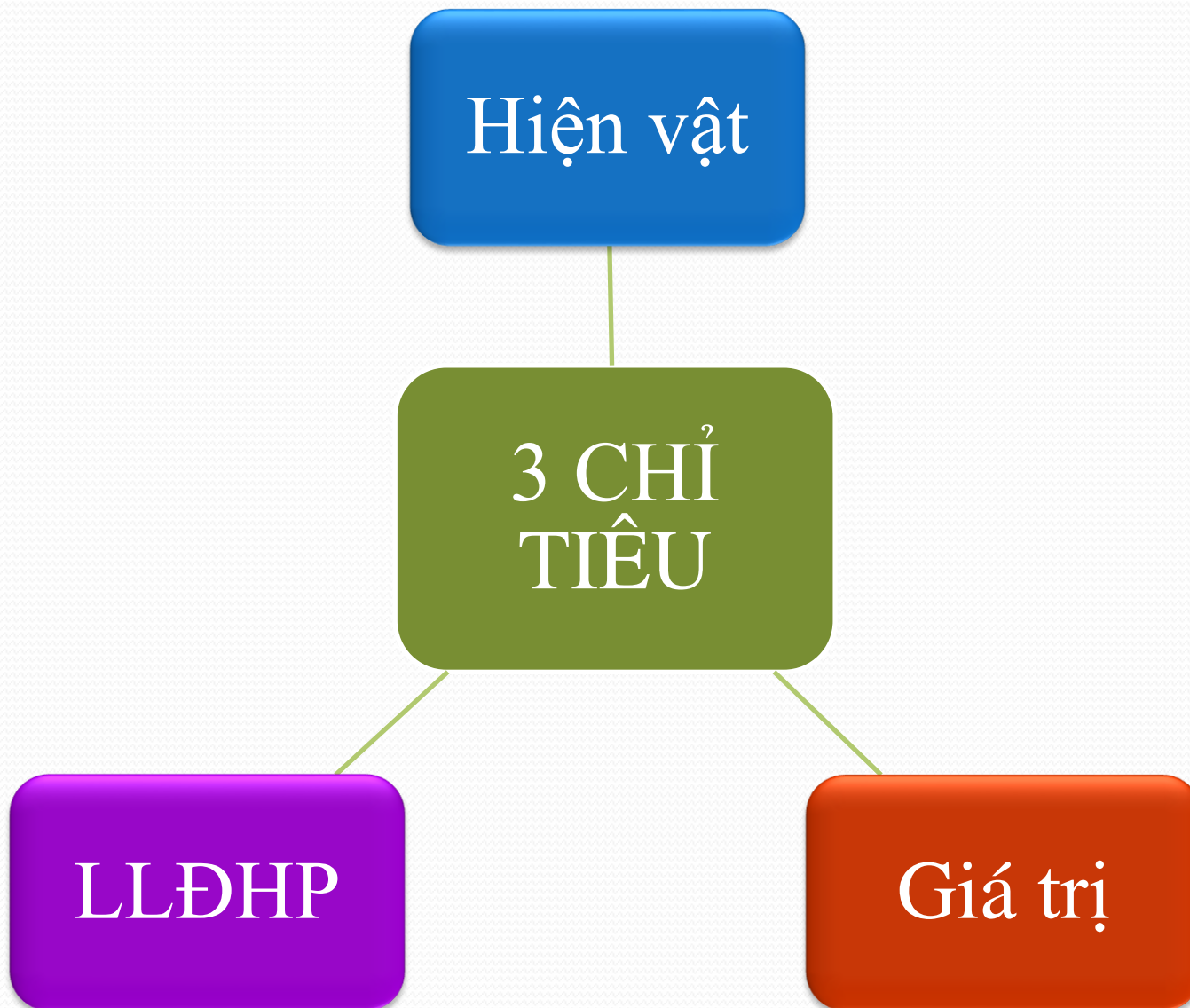
KHÁC NHAU

	Tăng NSLĐ	Tăng CĐLĐ
Giá trị của 1 đv hàng hóa	Giảm	Không đổi
Bản chất	Sự thay đổi về cách thức LĐ, làm giảm nhẹ LĐ	Tăng lượng LĐ hao phí
Hệ quả	Không làm suy kiệt sức LĐ	Nếu quá mức sẽ làm suy kiệt SLĐ và bệnh nghề nghiệp

Ý NGHĨA CỦA TĂNG NSLĐ



CÁC CHỈ TIÊU NSLĐ



Chỉ tiêu NSLĐ tính bằng hiện vật

$$CT: W=Q/T$$

Ưu điểm

- Đơn giản
- Chính xác với sp giống nhau
- Ko chịu ah của giá cả và các n/tổ khác
- Có thể SS NSLĐ của các dn sx cùng 1 loại sp

Nhược điểm

- Ko ad đối với sp dờ dang, các dn có chủng loại mặt hàng đa dạng
- Ko thể so sánh kq những ng sx những sp khác nhau
- Ko quan tâm đến chất lượng

Khắc phục

- Dùng chỉ tiêu hiện vật quy ước

Chỉ tiêu NSLĐ tính bằng hiện vật

Vi dụ:

Lượng hàng hóa luân chuyển của một xí nghiệp vận tải ô tô trong năm là 4200 tấn-km, số lđ bình quân trong năm là 300 người. Tính NSLĐ

Chỉ tiêu NSLĐ tính bằng hiện vật

Ví dụ:

Một xí nghiệp nông nghiệp A có 100 lao động, sx ra 2 loại sp là thóc và cà phê, với sản lượng như sau:

SP	Hao phí lđ (h/sp)	Hệ số quy đổi	Số sp
Thóc	10	1	1500
Cà phê	30	3	800

Tính NSLĐ?

Chỉ tiêu NSLĐ tính bằng hiện vật

Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất của một xí nghiệp như sau:

	Số lượng SP SX ra (chiếc)	Lượng lao động hao phí một SP (giờ)	Giá sản phẩm (nghìn đồng)
Sản phẩm A	25.000	10	15
Sản phẩm B	34.000	5	10
Sản phẩm C	18.000	15	25
Số lao động	100 người		

Tính năng suất lao động bằng chỉ tiêu hiện vật theo A,B,C ?

Chỉ tiêu NSLĐ tính bằng giá trị

$$CT: W=Q/T$$

Ưu điểm

- Tính chung cho các sp khác nhau
- Có thể dùng để so sánh NSLĐ giữa các ngành nghề, quốc gia

Nhược điểm

- Chịu a/h của biến động giá cả
- Không khuyến khích tiết kiệm nguyên vật liệu
- DN thay đổi kết cấu mặt hàng sx thì cũng ảnh hưởng đến NSLĐ

Khắc phục

- $W_1 = W/I_p$
(chỉ số bỏ yếu tố giá cả)
- Nhân với hệ số hao phí LĐ
($H_{ld} = L_{th}/L_{kh}$)
 $I_{w_1} = I_w \times H_{ld}$

Chỉ tiêu NSLĐ tính bằng giá trị

$$Iw_1 = Iw_0 \times H_{ld}$$

-) $H_{ld} = L_{th}/L_{kh}$

-) $Iw_0 = W1/W0$

Ví dụ:

Một doanh nghiệp năm kế hoạch dự tính sản xuất 1 nghìn cái xe đạp, giá trung bình là 1.500.000đ/chiếc. Hao phí lao động để sản xuất ra 1 cái xe đạp là 10h/chiếc.

Khi thực hiện, DN sản xuất 800 chiếc, gia công với bên ngoài 200 chiếc, giá và hao phí ld như trên.

Tính và phân tích tình hình NSLĐ?

Chỉ tiêu NSLĐ tính bằng giá trị

- $W \text{ ngày} = W \text{ giờ} \times \text{số h lv bình quân trong ngày}$
- $W \text{ tháng} = W \text{ ngày} \times \text{Số ngày làm việc bình quân trong tháng}$
- $W \text{ năm} = W \text{ ngày} \times \text{số ngày lv bình quân trong năm}$

Chỉ tiêu NSLĐ tính bằng giá trị

Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất của một xí nghiệp như sau:

	Số lượng SP SX ra (chiếc)	Lượng lao động hao phí một SP (giờ)	Giá sản phẩm (nghìn đồng)
Sản phẩm A	25.000	10	15
Sản phẩm B	34.000	5	10
Sản phẩm C	18.000	15	25
Số lao động	100 người		

Tính năng suất lao động bằng chỉ tiêu giá trị?

Chỉ tiêu NSLĐ tính bằng giá trị

Xí nghiệp A có số liệu như sau:

Hãy tính các loại năng suất lao động? Cho biết mối quan hệ của các NSLĐ này?

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2010
1. Giá trị TSL	Triệu đồng	10.500
2. Tổng số lao động	Người	250
3. Tổng số ngày - người làm việc	Ngày	68.750
4. Tổng số giờ - người làm việc	Giờ	515.625

Chỉ tiêu NSLĐ tính bằng lượng LĐ hao phí

$$\text{CT: } t = T/Q$$

Ưu điểm

- Phản ánh chính xác và cụ thể mức tiết kiệm hao phí TGLĐ để sx ra sp



Nhược điểm

- Tính toán phức tạp
- Không thể dùng làm chỉ tiêu tổng hợp cho 1 ngành hay 1 đơn vị sản xuất những sản phẩm khác nhau

Chỉ tiêu NSLĐ tính bằng lượng LĐ hao phí

*Lượng
LĐ hao
phí (t)*

Lcn là lượng LĐ của cn
chính

$$Lsx = Lcn + Lpvs$$

$$Ldd = Lsx + Lql$$

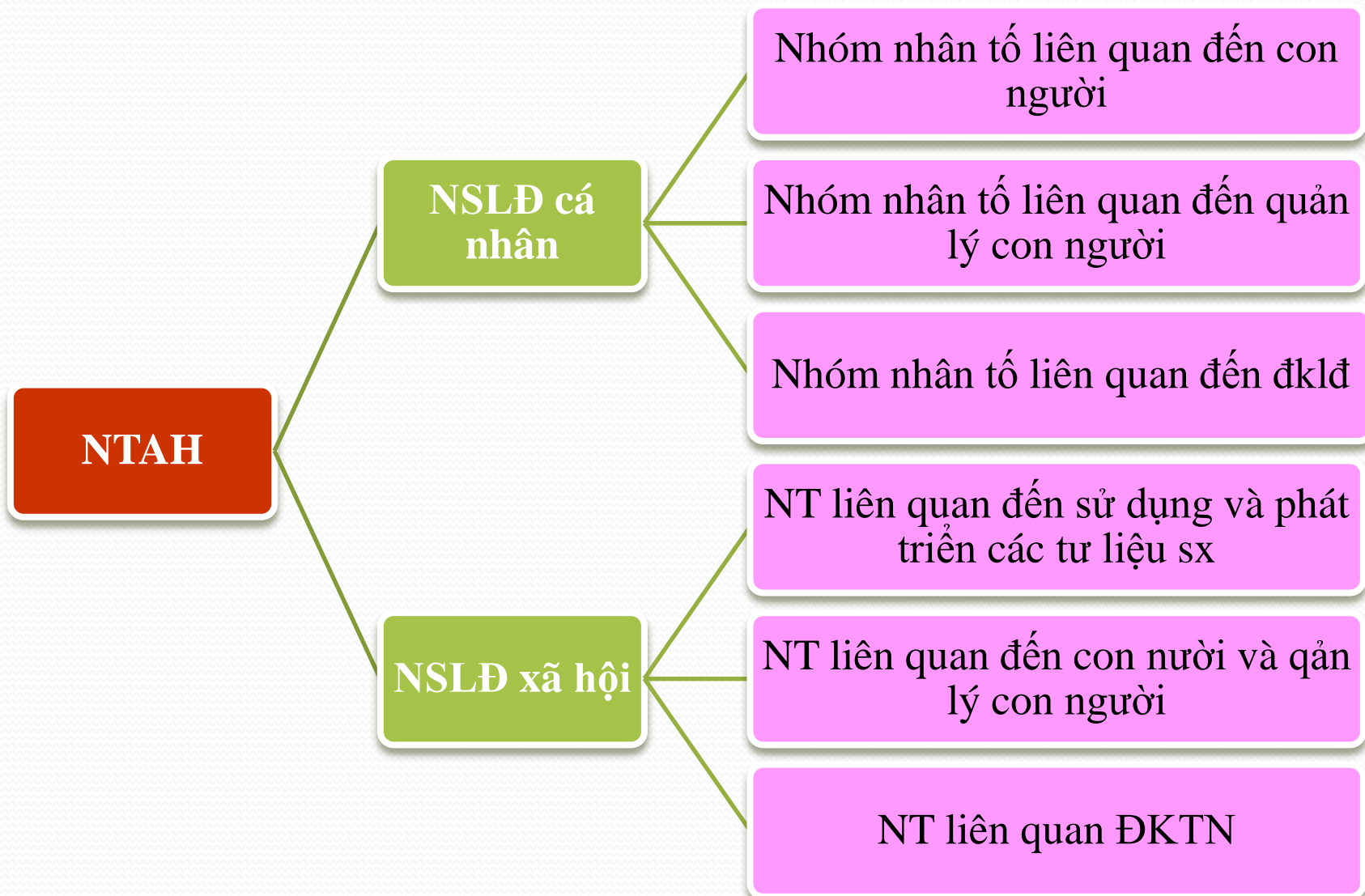
Chỉ tiêu NSLĐ tính bằng LLĐHP

Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất của một xí nghiệp như sau:

	Số lượng SP SX ra (chiếc)	Lượng lao động hao phí một SP (giờ)	Giá sản phẩm (nghìn đồng)
Sản phẩm A	25.000	10	15
Sản phẩm B	34.000	5	10
Sản phẩm C	18.000	15	25
Số lao động	100 người		

Tính năng suất lao động bằng chỉ tiêu lượng LĐ hao phí?

CÁC NT A/H NSLĐ





THANK YOU!